

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2026**

STT	Tên tài liệu	Trang
1	Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	3 - 4
2	Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	5 - 9
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025, nhiệm kỳ IV năm 2021-2026...	10 - 17
4	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2025 và cả nhiệm kỳ IV năm 2021-2026.	18 - 20
5	Quy chế bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ V năm 2026-2031.	21 - 29
6	Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ V năm 2026-2031.	30 - 47
7	Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, giai đoạn năm 2021-2025; Kế hoạch SXKD năm 2026, giai đoạn năm 2026-2030;	48 - 59
8	Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2025, đề xuất kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2026.	60 – 61
9	Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025.	62 – 65
10	Tờ trình phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2025.	66
11	Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.	67 – 68
12	Báo cáo đánh giá kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2025.	69 - 71
13	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026.	72
14	Tờ trình: Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	73
15	Dự thảo nghị quyết Đại hội.	74 - 79
16	Phiếu đặt câu hỏi tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026	80

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	07h30-08h00	Đăng ký, phát thẻ biểu quyết, phát tài liệu cổ đông.	Thư ký Công ty: Lưu Anh Đức
2	08h00-08h10	Ổn định tổ chức, chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mời chủ tọa lên điều hành Đại hội.	Trưởng phòng TCNS Vũ Ngọc Trung
3	08h10-08h15	Cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu.	Chủ tịch HĐQT
4	08h15-08h20	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.	Thành viên BKS: Nguyễn Tiến Nhung
5	08h20-08h45	(1) Trình bày Quy chế và Chương trình làm việc của Đại hội.	Thành viên HĐQT: Đặng Văn Ngong
		(2) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
6	08h45-09h05	(1) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, nhiệm kỳ IV năm 2021-2026;	Thành viên HĐQT: Nguyễn Tuấn Dũng
		(2) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2025, nhiệm kỳ khóa IV năm 2021-2026.	Trưởng ban kiểm soát: Vũ Thị Dung
		(3) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
7	09h05-09h25	(1) Trình bày Quy chế bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ V năm 2026-2031.	Trưởng ban kiểm phiếu Nguyễn Hòa Bình
		(2) Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử bầu HĐQT, BKS khóa V năm 2026-2031.	Trưởng phòng TCNS Vũ Ngọc Trung
		(3) Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử và danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ V năm 2026-2031.	Chủ tịch HĐQT
		(4) Đại hội tiến hành bầu cử	Các cổ đông
8	09h25-10h25	(1) Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, giai đoạn năm 2021-2025; Kế hoạch SXKD năm 2026, giai đoạn năm 2026-2030. (2) Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2025, đề xuất kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2026.	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty Đoàn Đức Thọ

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
		(3) Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025. (4) Trình bày Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2025. (5) Trình bày Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.	Kế toán trưởng: Trương Thúy Mai
		(6) Báo cáo đánh giá kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025. (7) Trình bày Tờ trình lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026.	Trưởng ban kiểm soát: Vũ Thị Dung
		(8) Trình bày Tờ trình Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	Thành viên HĐQT: Đặng Văn Ngong
		(9) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
9	10h25-11h15	(1) Thông báo kết quả bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ V năm 2026-2031.	Trưởng ban kiểm phiếu Nguyễn Hòa Bình
		(2) Đại hội nghị giải lao, HĐQT và BKS họp phiên đầu tiên khóa V bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát. (3) HĐQT và BKS thông báo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát.	Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
10	11h15-11h25	(1) Trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký Đại hội: Huỳnh Hữu Nam
		(2) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
11	11h25-11h30	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Tuấn Anh

Số: 2886 /QC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 02/04/2026, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 bao gồm các nội dung sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.
- 1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
- 1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.


Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;
- b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;


5

- c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;
- d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;
- e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc CCCD..., Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;
- b) Trang phục lịch sự;
- c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
- d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;
- e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;
- f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho Đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;
- h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;
- i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);
- b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử và các tài liệu khác liên quan;
- c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội tại các thời điểm sau:
 - Trước khi khai mạc Đại hội;
 - Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.



3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

4.1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách bầu cử và tiến hành kiểm phiếu.

4.3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu bầu cử, biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội.

5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm Đại hội không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự Đại hội;

b) Có người dự Đại hội có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho Đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.6. Chủ tọa có quyền cất ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự Đại hội; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.



5.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình Đại hội đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì Đại hội được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 8. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự Đại hội khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội để xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 9. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

9.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.



9.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

9.3. Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

9.4. Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

Điều 10. Biên bản Đại hội

10.1. Nội dung diễn biến Đại hội được thư ký lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty



Số: 2887 /BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Hoạt động của HĐQT năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021-2026;
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026, nhiệm kỳ năm 2026-2031**

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông.

Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo đến nay Công ty đã trải qua 04 nhiệm kỳ kế hoạch 05 năm.

Với mục tiêu “Sản xuất an toàn, hiệu quả” vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội cổ đông thường niên lần này, Hội đồng Quản trị kiểm điểm tình hình hoạt động của HĐQT năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021 – 2026 và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2026, nhiệm kỳ năm 2026 -2031 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 - NHIỆM KỲ NĂM 2021 - 2026

Năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021-2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi tháng 1 lần, giải quyết tổng thể trên 300 đầu việc liên quan đến việc chỉ đạo quản lý điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và tính đến hết tháng 3 năm 2026, HĐQT họp 124 phiên, có 04 lần thay đổi nhân sự HĐQT Công ty như sau:

1.1. Từ ngày 28/04/2021 đến ngày 29/6/2022:

Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	23	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Thành viên	23	100	
3	Trương Thúy Mai	Thành viên	23	100	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
4	Trần Quốc Tuấn	Thành viên	23	100	
5	Đặng Văn Ngong	Thành viên	23	100	

1.2. Từ ngày 30/06/2022 đến ngày 31/12/2022:

Nhân sự HĐQT thay đổi: Bà Trương Thúy Mai thôi tham gia HĐQT; Ông Nguyễn Tuấn Dũng – người đại diện của TKV được bầu làm thành viên HĐQT Công ty theo Nghị quyết số 12/NQ-VNBC ngày 30/6/2022 của HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	12	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Thành viên	12	100	
3	Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên	12	100	
4	Trần Quốc Tuấn	Thành viên	12	100	
5	Đặng Văn Ngong	Thành viên	12	100	

1.3. Từ ngày 01/01/2023 – 04/10/2023:

Nhân sự HĐQT thay đổi: Ông Phạm Công Hương thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT, thôi tham gia HĐQT; Ông Trần Tuấn Anh – người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty theo Nghị quyết HĐQT Công ty số 23, 24, 25/NQ-VNBC ngày 28/12/2022.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	20	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Thành viên	20	100	
3	Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên	20	100	
4	Trần Quốc Tuấn	Thành viên	20	100	
5	Đặng Văn Ngong	Thành viên	20	100	

1.4. Từ ngày 05/10/2023 – 24/04/2025:

Nhân sự HĐQT thay đổi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023: Ông Ngô Thế Phiệt thôi tham gia HĐQT; Ông Đoàn Đắc Thọ được bầu làm thành viên HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	41	100	
2	Đoàn Đắc Thọ	Thành viên	41	100	

Đức

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
3	Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên	41	100	
4	Trần Quốc Tuấn	Thành viên	41	100	
5	Đặng Văn Ngong	Thành viên	41	100	

1.5. Từ ngày 25/4/2025 đến nay:

Nhân sự HĐQT thay đổi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: Ông Trần Quốc Tuấn thôi tham gia HĐQT; Ông Phạm Bá Tước được bầu làm thành viên HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	28	100	
2	Đoàn Đắc Thọ	Thành viên	28	100	
3	Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên	28	100	
4	Phạm Bá Tước	Thành viên	28	100	
5	Đặng Văn Ngong	Thành viên	28	100	

2. Về nội dung họp HĐQT

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Năm 2025, HĐQT Công ty giải quyết 86 đầu việc và cả nhiệm kỳ năm 2021-2026, HĐQT giải quyết 361 đầu việc chủ yếu trong 06 lĩnh vực quản lý, điều hành sau:

STT	Nội dung	Số đầu việc	Trong đó phân theo năm:				
			2021	2022	2023	2024	2025; 2026
1	Giám sát, quản lý điều hành SXKD...	78	14	17	10	18	18+1
2	Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò	68	3	6	8	13	33+5
3	Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ	69	9	19	19	13	8+1
4	Lao động tiền lương, chế độ chính sách, tài chính...	76	10	19	18	16	13
5	Ban hành các quy chế quản lý nội bộ..	40	10	8	7	6	7+2
6	Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông...	30	2	6	8	6	7+1
	Cộng	361	48	75	70	72	86+10

Chi tiết nội dung các cuộc họp HĐQT được Công ty nêu tại Báo cáo quản trị Công ty hàng năm và được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

3. Về thực hiện nhiệm vụ được giao

3.1. Nhiệm vụ SXKD:

Năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021 - 2026 là giai đoạn Công ty không còn khai thác than lộ thiên, dự án hầm lò đi vào hoạt động, đạt công suất thiết kế 2 triệu tấn năm, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối nguồn vốn, địa chất phức tạp, thiếu hụt thợ lò, đồng thời đối mặt với nguy cơ xảy ra mất an toàn về người và thiết bị do khai trường khai thác của Công ty nằm dưới khu vực khai thác than lộ thiên trước đây... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021-2025 do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCNLĐ ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Đào lò tổng số	Mét	14.800	13.000	13.000	88	100
-	Lò CBSX	"	14.800	13.000	13.000	88	100
2	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.900	1.950	2.000	105	103
-	Than hầm lò	"	1.900	1.950	2.000	105	103
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.767	1.858	1.954	111	105
-	Than sạch từ than NK	"	1.767	1.767	1.866	106	106
-	Than sạch từ SPNT	"		91	88		96
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.767		1.819	103	
5	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	324,6	353,4	370,0	114	105
6	Doanh thu	Tỷ đồng	2.730		2.694	99	
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	36,2		51,5	142	
8	Lao động định mức	Người	3.385		3.079	91	
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	19.912		20.850	105	
10	Cổ tức	%	≥ 5,0		6	120	

Đức

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD 05 năm 2021 – 2025

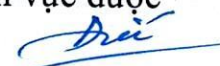
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 05 năm (2021-2025)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	1.200	4.680	4.837	403	103
-	Đất sản xuất	"	1.200	580	580	48	100
-	Đất PA, bốc xúc, v/c đổ thải đảm bảo AT	"		4.100	4.258		104
2	Đào lò tổng số	Mét	77.300	67.900	68.585	89	101
-	Lò CBSX	"	77.300	67.900	68.585	89	101
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	8.470	8.208	8.516	101	104
-	Than lộ thiên	"	220	292	292	133	100
-	Than hầm lò	"	8.250	7.830	7.945	96	101
-	Than thu hồi theo PA	"			192		
-	Than khác (Thu hồi)	"		86	86		100
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	8.621	8.375	9.526	110	114
-	Than sạch từ than NK	"	7.731	7.379	8.234	107	112
-	Than sạch từ SPNT	"	890	996	1.291	145	130
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	8.621	8.269	9.431	109	114
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	1.570,4	1.444,0	130	92
7	Doanh thu	Tỷ đồng	12.149	13.029	15.070	124	116
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	142,4	276	334	234	121
9	Lao động	Người	3.271	3.361	3.143	96	94
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	15.258	17.213	18.332	120	107
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	4,2	5,4	180	129

Chi tiết đánh giá mọi hoạt động SXKD đề nghị Quý vị cổ đông xem tại Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, giai đoạn năm 2021 ÷ 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026, giai đoạn năm 2026 ÷ 2030 đăng tại trang Web của Công ty.

3.2. Nhiệm vụ giám sát

Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng... thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra và có đánh giá, nhận xét như sau:

- Các cán bộ quản lý Công ty đều có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực được



phân công phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

- Các cán bộ quản lý Công ty không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, triển khai kiểm soát tốt mọi hoạt động SXKD Công ty. Các văn bản quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty ban hành không vượt quá thẩm quyền phù hợp với các chuẩn mực, quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

3.3. Báo cáo, nhận xét của thành viên HĐQT độc lập:

Năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021-2026, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc đã phát huy tối đa khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2026, NHIỆM KỲ NĂM 2026 - 2031:

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và kế hoạch trung hạn được Đại hội đồng cổ đông thông qua; căn cứ định hướng phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin xác định mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 – 2031 như sau:

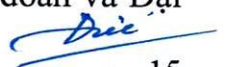
1. Mục tiêu

Tiếp tục xây dựng Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin phát triển ổn định, bền vững, trở thành mỏ Hiện đại – An toàn – Xanh – Sạch – Đẹp của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp trong dài hạn.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

2.1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và hoàn thành đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hằng năm do Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam giao; bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

2.2. Tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu Công ty đã được Tập đoàn và Đại



hội đồng cổ đông thông qua; Rà soát, sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh; thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ, phù trợ theo đúng chủ trương, lộ trình và hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

2.3. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định của Tập đoàn; tăng cường công khai, minh bạch thông tin; đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, quản trị tài nguyên, quản trị chi phí, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.4. Định hướng và đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa và tin học hóa trong sản xuất; tăng cường công tác bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát kỹ thuật, an toàn nhằm giảm thiểu tai nạn lao động, sự cố thiết bị; đồng thời chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân, người lao động để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.

2.5. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và diễn biến tư tưởng của cán bộ, công nhân, người lao động; kịp thời trao đổi, giải quyết các kiến nghị chính đáng, tạo sự đồng thuận, đoàn kết nội bộ, phát huy sức mạnh tập thể, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2026 và cả nhiệm kỳ 2026 – 2031.

III. ĐỀ NGHỊ CỦA HĐQT CÔNG TY


Để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty theo định hướng và chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; quyết định việc thuê tài sản, thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.


2. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2026; quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty trong từng thời kỳ; tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm lợi ích hợp pháp của cổ đông và lợi ích của doanh nghiệp; đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất theo quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, nhiệm kỳ 2021 – 2026; phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 – 2031.



Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin kính trình
Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. 

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT 



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Tuấn Anh

Số: 2888/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
GIÁM ĐỐC CÔNG TY NĂM 2025 VÀ NHIỆM KỲ IV NĂM 2021-2026**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2025/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 28/4/2021;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Kiểm soát Công ty xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động và thực hiện công tác giám sát quản lý Công ty của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2025, nhiệm kỳ IV năm 2021-2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026; Ban Kiểm soát Công ty họp thường kỳ mỗi quý một lần và theo yêu cầu công việc; Tại các phiên họp đều đưa ra thảo luận giữa các thành viên về các nội dung kiểm soát hoạt động của Công ty và kiểm soát chuyên đề, các nội dung liên quan đến việc bàn giao và phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban khi thay đổi nhân sự của Ban. Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty hàng quý và năm. Kiểm soát một số gói thầu hoàn thành và đang thực hiện của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo và dự án duy trì sản xuất thuộc nhóm C. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm soát một số lĩnh vực quản lý của Công ty như: công tác quản lý vật tư, quản lý TSCĐ, sửa chữa lớn tài sản, công tác thuê ngoài, quản lý sử dụng lao động, tiền lương...

- Trong quá trình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty hàng năm, Ban Kiểm soát đã có các ý kiến đối với bộ phận thực hiện và điều hành sản xuất kinh doanh, công tác Đầu tư XD CB và các mặt hoạt động khác tại các kỳ họp thường kỳ tại Công ty và đã được HĐQT, Giám đốc Công ty tiếp nhận, bổ sung trong công tác quản lý của Công ty.

II. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Hình thức, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát.

1.1. Ban Kiểm soát Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT Công ty thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Quy chế hoạt động của HĐQT; Các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT Công ty ban hành.

1.2. Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác thông qua việc thực hiện hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng



tuyển, chế biến than giữa Giám đốc Công ty và Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; các Quyết định của Giám đốc trong các lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.

1.3. Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.

2. Kết quả giám sát:

2.1. Về hoạt động của HĐQT

Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo hoạt động năm 2025 và nhiệm kỳ 2021-2026 của HĐQT và nhất trí với các nội dung của báo cáo này, kết hợp với việc giám sát của Ban kiểm soát, có một số đánh giá như sau:

- HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và tổ chức kiểm tra việc thực hiện.

- Năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức họp 31 phiên; cả nhiệm kỳ họp 124 phiên, giải quyết nhiều nội dung liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD, xây dựng dự án hầm lò mở than Núi Béo. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời;

- Quy hoạch cán bộ; Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ. Thực hiện tốt đề án tái cơ cấu, sắp xếp lại các đơn vị phòng ban theo hướng tinh gọn nhẹ, gắn với việc dừng sản lượng khai thác than lộ thiên chuyển hẳn sang khai thác than hầm lò; Công ty đã kiện toàn lại mô hình tổ chức sản xuất các đơn vị phòng ban cho phù hợp với phương án chuyển đổi mô hình khai thác, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chỉ đạo xử lý các vấn đề tồn đọng tại các dự án đầu tư hầm lò mở than Núi Béo.

- Thông qua hoạt động của HĐQT và việc sửa đổi bổ sung các văn bản quản lý kịp thời đã giúp cho việc quản trị điều hành Công ty trong kỳ được linh hoạt, hiệu quả hơn. Các văn bản quản lý của HĐQT ban hành thuộc thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế SXKD của Công ty.

- HĐQT Công ty đã ban hành quyết định điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư và xây dựng cơ bản phù hợp với thông báo điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản của TKV.

- HĐQT đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất, nhất là công tác chuẩn bị và tổ chức sản xuất, công tác kiểm soát chi phí sản xuất nên đã tạo sự ổn định đồng bộ trong SXKD, phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Các thành viên HĐQT là những người có năng lực quản lý và có tư cách đạo đức tốt; Trong năm 2025 và cả nhiệm kỳ các thành viên đã làm việc khẩn trương, năng động, sáng tạo, có hiệu quả, thể hiện được tinh thần trách nhiệm đối với Công ty và đối với các cổ đông.

2.2. Về hoạt động quản lý điều hành của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SXKD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Kịp thời triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn TKV với Công ty;
- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;
- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;
- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng lao động... được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch.
- Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng,... được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;
- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư đúng quy định;
- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;
- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

***Tóm lại:** Trong năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021 – 2026, HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc quản lý, điều hành SXKD để Công ty đạt được sự tăng trưởng cao, tạo được sự ổn định cho năm 2026 và các năm tiếp theo.

Năm 2025 và cả nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã cố gắng để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của từng thành viên, Ban kiểm soát còn nhận được sự ủng hộ của HĐQT, Ban Giám đốc, sự phối hợp của các phòng ban trong Công ty và của các cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp đó, mong muốn trong năm 2026 và các năm tiếp theo của nhiệm kỳ Ban kiểm soát sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình vì lợi ích của Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

Nhân dịp tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, thay mặt các thành viên Ban Kiểm soát Công ty, Tôi xin chúc sức khỏe các Quý cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. CV (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Thị Dung

Số: 2889/QC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NHIỆM KỲ V

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/04/2021;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“Đại hội”) của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin (“Công ty”) tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) của Công ty theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1.1. Nguyên tắc bầu cử:

- a) Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- b) Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông của Công ty hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng 25/03/2026.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT, BKS

2.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên (Trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT), số lượng thành viên BKS được bầu là 03 thành viên.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên HĐQT và BKS: Thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Điều 3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS

3.1. Trước giờ khai mạc Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT và BKS.

3.2. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện như sau:

- Đối với thành viên HĐQT: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết tính đến ngày đăng ký cuối cùng (25/03/2026) được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ (năm) ứng viên.

- Đối với thành viên BKS: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tính đến ngày đăng ký cuối cùng



(25/03/2026) được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và nếu từ 50% trở lên được đề cử đủ (ba) ứng viên

3.3. Trường hợp số lượng các ứng viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ năm (05) ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT (Trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT) và ba (03) ứng viên cho vị trí thành viên BKS, thì HĐQT, BKS đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng viên HĐQT, BKS cho đủ số lượng nêu trên.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS

4.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng thành viên HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn, văn bản đề nghị ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS.
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai, gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, trình độ, quá trình công tác, chức danh quản lý, lợi ích liên quan...;
- Bản sao công chứng CMND hoặc CCCD của ứng cử viên;
- Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (nếu có);

4.2. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử đề nghị gửi về Văn phòng Công ty số 799 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh trước ngày 25/04/2026 để Công ty xác minh, thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử trực tiếp tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay, đầy đủ hồ sơ đề cử/ứng cử như Mục 4.1 nêu trên cho Chủ tọa Đại hội để được xem xét đưa vào danh sách ứng viên.

4.3. Chỉ những hồ sơ ứng cử/đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử /đề cử, gửi về Công ty đúng thời hạn nêu trên và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 5. Phương thức bầu cử

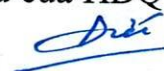
5.1. Việc bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự Đại hội có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT) khi bầu HĐQT, nhân với số thành viên được bầu của BKS (03 thành viên) khi bầu BKS Công ty.

5.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một (01) ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.

Điều 6. Phiếu bầu cử, cách ghi phiếu, bỏ phiếu, kiểm phiếu

6.1. Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS:

a) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được cấp Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS ngay trước khi việc bầu cử diễn ra. Phiếu bầu cử trên đó có ghi: ⁽¹⁾ Tên cổ đông; ⁽²⁾ mã số cổ đông; ⁽³⁾ số cổ phần và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS;



(4) Tên các ứng viên đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS được Đại hội biểu quyết thông qua.

b) Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS có đóng dấu treo của Công ty.

6.2. Cách ghi phiếu và tính hợp lệ, không hợp lệ của phiếu bầu cử:

a) Cách ghi phiếu: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đồng ý bầu cho ứng viên nào, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

b) Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Là Phiếu bầu cử do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử có đóng dấu treo của Công ty;
- Phiếu bầu cử không bị rách, tẩy xóa, sửa chữa; phiếu ghi đầy đủ tên các ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua;
- Được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền ký xác nhận;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên không vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

c) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu bầu cử bị rách, tẩy xóa, sửa chữa; phiếu ghi thêm tên các ứng cử viên không được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
- Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu;
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

6.3. Nguyên tắc bỏ phiếu:

a) Ban kiểm phiếu sẽ lập các hòm phiếu và tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm



phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

6.4. Quy định việc kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc theo quy định như sau:

- Ban kiểm phiếu làm việc trong một (01) phòng riêng hoặc khu vực riêng. Ngoài Ban kiểm phiếu và các thành viên giúp việc đã được Ban kiểm phiếu phân công thì không cho phép bất cứ người nào khác vào trong khu vực kiểm phiếu, kể cả cổ đông Công ty.

- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc cần thiết.

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu.

- Kiểm tra lần lượt từng Phiếu bầu và ghi kết quả kiểm phiếu.

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu, bàn giao lại cho HĐQT ngay sau khi Đại hội bế mạc.

b) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu công bố tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;

- Thành phần Ban kiểm phiếu;

- Tổng số cổ đông tham gia dự Đại hội;

- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;

- Số Phiếu bầu hợp lệ, Phiếu bầu không hợp lệ;

- Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS;

- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của Chủ tọa Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS

Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT là năm (05) thành viên, BKS là ba (03) thành viên. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau ngay tại Đại hội.

Điều 8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu


Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ trực




tiếp kiểm tra lại. Nếu phát hiện sai sót hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu, Ban tổ chức Đại hội sẽ tổ chức bầu cử lại và Ban kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 9. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./ 

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CD, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Tuấn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2026

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ V NĂM (2026-2031)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.

Tôi tên là:

Ngày sinh:...../...../....., quốc tịch:.....

Số CMND/CCCD:....., cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại liên hệ:, fax:

Trình độ học vấn:, chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tính đến thời điểm ngày đăng ký cuối cùng (ngày 25/03/2026) là:..... cổ phần, tương ứng với:.....% vốn điều lệ của Công ty.

Sau khi nghiên cứu quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty, Tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin nhiệm kỳ V.

Tôi xin cam đoan Tôi đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn là thành viên HĐQT/BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng cảm ơn./.

CỔ ĐÔNG

Ký và ghi rõ họ tên)

***Hồ sơ kèm theo:**

- (1). Lý lịch trích ngang do ứng cử viên tự khai (theo mẫu của Công ty);
- (2). Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2026

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ V NĂM (2026-2031)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin

Tôi/chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD (đối với tổ chức); Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % Vốn điều lệ	Chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện hợp pháp và đóng dấu đối với tổ chức
1						
2						
3						
4						
5						
...						
Tổng cộng :						

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty, Tôi/chúng tôi xin đề cử ông/ bà có tên sau vào danh sách bầu thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ V năm 2026-2031:

STT	Tên ứng viên	Ngày sinh; Quốc tịch	Số CMND/Hộ chiếu; Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Trình độ học vấn	Số cổ phần nắm giữ (nếu có)
I	Hội đồng Quản trị					
1						
2						
3						
4						
5						



STT	Tên ứng viên	Ngày sinh; Quốc tịch	Số CMND/Hộ chiếu; Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ; Số điện thoại liên hệ	Trình độ học vấn	Số cổ phần nắm giữ (nếu có)
II	Ban kiểm soát					
1						
2						
3						

Tôi/chúng tôi cũng cam đoan người được đề cử đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế bầu cử của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG
Ký và đóng dấu (nếu có)

*** Hồ sơ kèm theo:**

- (1) Lý lịch trích ngang do ứng cử viên được cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử tự khai (mẫu đính kèm);
- (2) Giấy ủy quyền hợp lệ theo mẫu kèm theo (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- (3) Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân của ứng cử viên;



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
Ứng viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ V (năm 2026-2031)
(Do giới thiệu)

1. Họ và tên :
2. Giới tính :
3. Ngày sinh :
4. Dân tộc :
5. Quốc tịch :
6. Quê quán :
7. Địa chỉ thường trú :
8. Số CMND/CCCD:; Cấp ngày:; Nơi cấp:.....
9. Điện thoại liên lạc :
10. Trình độ văn hoá :
11. Trình độ chuyên môn :
12. Quá trình công tác:


Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác

13. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: CP (chiếm%), trong đó:
- Sở hữu cá nhân: CP (chiếm.... %);
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: CP (chiếm.... %).
14. Số cổ phần (NBC) của người có liên quan nắm giữ : ... CP.
15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

....., ngày tháng 4 năm 2026

Người khai

Ký ghi rõ họ tên 

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
Giới thiệu nhân sự tham gia
HĐQT, BKS của Công ty nhiệm kỳ V năm 2026-2031
(Dự thảo)

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021; Danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm đăng ký cuối cùng ngày 25 tháng 03 năm 2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp; Quy chế bầu HĐQT, BKS của Công ty nhiệm kỳ V năm 2026-2031; Nghị quyết số .../NQ-VNBC ngày 28/4/2026 của HĐQT; Công văn của BKS vào ngày 28/04/2026,

Ban tổ chức Đại hội, HĐQT Công ty đã tiến hành kiểm tra, xác minh hồ sơ các ứng viên do các cổ đông, HĐQT, BKS của Công ty đương nhiệm giới thiệu và xin báo cáo với Đại hội nhân sự bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ V theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty như sau:

I. Đối với nhân sự HĐQT:

1. Số lượng thành viên HĐQT Đại hội bầu: 5 thành viên; Trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

2. Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ đề cử đến thời điểm này là: 3 thành viên, trong đó:

- Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 65% vốn điều lệ đề cử là 3 thành viên (TKV không đề cử người ứng cử vào vị trí thành viên độc lập HĐQT);

- Các cổ đông khác: 0 (Không).

3. Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do HĐQT Công ty đương nhiệm đề cử theo khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty: 2 người, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

STT	Tên ứng viên bầu vào HĐQT	Năm sinh	Trình độ	Ghi chú
I	TKV giới thiệu			
1	Trần Tuấn Anh	1962	Cử nhân kinh tế	
2	Đoàn Đắc Thọ	1969	Kỹ sư khai thác	
3	Nguyễn Tuấn Dũng	1968	Kỹ sư khai thác	
II	HĐQT Công ty đương nhiệm giới thiệu			

STT	Tên ứng viên bầu vào HĐQT	Năm sinh	Trình độ	Ghi chú
1	Phạm Bá Tước	1978	Kỹ sư khai thác	
2	Đặng Văn Ngong	1963	Trung cấp Khai thác mỏ	Đề cử thành viên độc lập HĐQT

II. Đối với nhân sự BKS:

- Số lượng thành viên BKS Đại hội bầu: 3 thành viên.
- Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ đề cử đến thời điểm này là: 2 thành viên, trong đó:
 - Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 65% vốn điều lệ giới thiệu 2 thành viên;
 - Các cổ đông khác: 0 (Không).
- Số lượng ứng viên đủ tiêu chuẩn do BKS Công ty đương nhiệm đề cử theo khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty: 1 thành viên.

STT	Tên cổ đông/Tên ứng viên bầu vào BKS	Năm sinh	Trình độ	Ghi chú
I	TKV giới thiệu			
1	Vũ Thị Dung	1979	Ths. Kinh tế	
2	Đỗ Thị Thanh Huyền	1974	Kỹ sư khai thác mỏ	
II	BKS Công ty đương nhiệm giới thiệu			
1	Nguyễn Tiến Nhung	1967	Cử nhân kinh tế ngành kế toán	

Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến các quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Tuấn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

**Ứng viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V (Năm 2026-2031)
(Do TKV giới thiệu)**

1. Họ và tên : **Trần Tuấn Anh**
2. Giới tính : **Nam**
3. Ngày sinh : **24/02/1972**
4. Nơi sinh : **Xã Phù Đồng, Hà Nội.**
5. CCCD số 001072019821 do Cục CSQH về TTXH cấp ngày 08/05/2021.
6. Quốc tịch : **Việt Nam.**
7. Dân tộc : **Kinh.**
8. Địa chỉ thường trú : **Tòa R1B Chung cư RoyalCity, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.**
9. Số điện thoại : **0932.466.688.**
10. Địa chỉ email : **anhtht@vinacomin.vn**
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: **Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.**
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Ứng viên Chủ tịch Hội đồng Quản trị.**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải - Vinacomin.**
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: **0 CP chiếm 0% vốn điều lệ.**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : **Không.**
16. Danh sách người có liên quan của người khai : **Có danh sách kèm theo.**
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : **Không.**
18. Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty : **Không.**
19. Trình độ : **Cử nhân kinh tế.**
20. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
10/1994 - 04/1996	Cán bộ Kế toán, Phòng Tài chính Kế toán, Ban Quản lý công trình khu vực Than Nội Địa.
05/1996 - 05/2000	Cán bộ Kế toán, Phòng Tài chính Kế toán, Ban Quản lý Dự án Than Việt Nam.



Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
06/2000 - 02/2008	Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, Ban Quản lý Dự án Than Việt Nam.
03/2008 - 02/2012	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán, Ban Quản lý các Dự án Than Đồng Bằng Sông Hồng-Vinacomin
03/2012 - 12/2015	Phó phòng, Ban Kế toán - Thống kê Tập đoàn TKV
12/2015 - 02/2016	Trưởng phòng, Ban Kế toán - Thống kê Tập đoàn TKV
03/2016 - 08/2020	Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Than Cao Sơn – Vinacomin
08/2020 - 09/2022	Phó trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn TKV
09/2022 - 12/2022	Người quản lý phần vốn của TKV
Từ 01/2023 đến nay	Người quản lý phần vốn của TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai
Trần Tuấn Anh




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
Ứng viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V năm 2026-2031
(Do TKV giới thiệu)

1. Họ và tên : **Đoàn Đắc Thọ**
2. Giới tính : **Nam.**
3. Ngày sinh : **07/02/1969.**
4. Nơi sinh : **Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.**
5. CCCD số 027069000205 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/05/2021.
6. Quốc tịch : **Việt Nam.**
7. Dân tộc : **Kinh.**
8. Địa chỉ thường trú: **Số nhà 138 Tô Vĩnh Diện, tổ 15, khu 4, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.**
9. Số điện thoại : **0903 207 269.**
10. Địa chỉ email : **vp799nbc@gmail.com.**
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: **Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.**
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Ứng viên Hội đồng Quản trị.**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không.**
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: **0 CP chiếm 0% vốn điều lệ.**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : **Không.**
16. Danh sách người có liên quan của người khai : **Có danh sách kèm theo.**
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : **Không.**
18. Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty : **Không.**
19. Trình độ : **Kỹ sư khai thác mỏ.**
20. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
09/1991 - 04/1998	Nhân viên phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp than Cẩm Phả.
05/1998 - 05/2000	Trưởng phòng KTM Tây Bắc Đá Mài – Công ty than Quảng Ninh.
06/2000 - 04/2006	Phó Giám đốc Kỹ thuật Xí nghiệp Xây lắp và sản xuất than Khe Chàm II.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
05/2006 - 09/2006	Chuyên viên phòng Đầu tư Công ty than Hạ Long.
10/2006 - 05/2009	PGĐ Xí nghiệp Than Tân lập, Công ty than Hạ Long.
05/2009 - 10/2013	Giám đốc, Phó bí thư Đảng ủy Xí nghiệp Than Tân Lập, Công ty than Hạ Long..
11/2013 - 03/2018	Phó Giám đốc Công ty Than Hạ Long - TKV
04/2018 - 07/2023	Giám đốc Ban Quản lý dự án chuyên ngành mỏ than – TKV.
08/2023 - 10/2023	Giám đốc Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
10/2023 đến nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai
Đoàn Đắc Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

**Ứng viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V năm 2026-2031)
(Do TKV giới thiệu)**

1. Họ và tên : **Nguyễn Tuấn Dũng**
2. Giới tính : **Nam**
3. Ngày sinh : **16/12/1968**
4. Nơi sinh : **Xã Nam An Phụ - Thành phố Hải Phòng.**
5. CCCD số 030068011014 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/06/2021.
6. Quốc tịch : **Việt Nam.**
7. Dân tộc : **Kinh**
8. Địa chỉ thường trú : **Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.**
9. Số điện thoại : **0913 071 497.**
10. Địa chỉ email : **nguyentuandung1612@gmail.com**
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Ứng viên Hội đồng Quản trị.**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không.**
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: **0 CP chiếm 0% vốn điều lệ.**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : **Không.**
16. Danh sách người có liên quan của người khai : **Có danh sách kèm theo.**
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : **Không.**
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : **Không.**
19. Trình độ : **Kỹ sư khai thác mỏ.**
20. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
05/1989 - 03/1991	Công nhân Công trường Tổng hợp, Mỏ than Núi Béo.
03/1991 - 04/1993	Bộ đội E43, tỉnh đội Quảng Ninh.
04/1993 - 02/1994	Nhân viên Phòng Thanh tra - Bảo vệ, Mỏ than Núi Béo.
03/1994 - 03/1996	Nhân viên Phòng Điều khiển sản xuất, Mỏ than Núi Béo.
04/1996 - 11/1996	Phó phòng Phòng Điều khiển sản xuất, Mỏ than Núi Béo.



Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
11/1996 - 03/1999	Phó quản đốc Công trường than 1, Mỏ than Núi Béo.
04/1999 - 03/2002	Quản đốc Công trường than 1, Mỏ than Núi Béo.
04/2002 - 03/2006	Quản đốc Phân xưởng Càng, Công ty than Núi Béo.
04/2006 - 09/2007	Trưởng phòng Phòng ĐHSX, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – TKV.
10/2007 - 02/2013	Phó giám đốc sản xuất, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
03/2013 – 02/2017	Phó giám đốc kỹ thuật, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
03/2017 – 9/2022	Phó giám đốc sản xuất, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
10/2022 – 10/2023	Thành viên chuyên trách HĐQT Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
10/2023 – nay	Phó bí thư Đảng ủy - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần than Núi Béo-Vinacomin.

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai
Nguyễn Tuấn Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Ứng viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V năm 2026-2031)
(Do HĐQT đương nhiệm giới thiệu trong trường hợp còn thiếu)

1. Họ và tên : **Phạm Bá Tước**
2. Giới tính : **Nam.**
3. Ngày sinh : **06/10/1978.**
4. Nơi sinh : **Hạ Long, Quảng Ninh.**
5. CCCD số 022078007888 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 02/07/2021
6. Quốc tịch : **Việt Nam.**
7. Dân tộc : **Kinh.**
8. Địa chỉ thường trú : **Tổ 5, khu phố Hà Lâm 1, phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh.**
9. Số điện thoại : **0915.043.941.**
10. Địa chỉ email : **tuockcm2016@gmail.com**
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Ứng viên Hội đồng Quản trị.**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không.**
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: **0 CP chiếm 0% vốn điều lệ.**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : **Không.**
16. Danh sách người có liên quan của người khai : **Có danh sách kèm theo.**
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : **Không.**
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : **Không.**
19. Trình độ : **Kỹ sư khai thác mỏ.**
20. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
11/2001 - 01/2003	Công nhân Công trường 88 Công ty Than Hà Lâm.
02/2003 - 05/2006	Nhân viên Phòng KTM Công ty Than Hà Lâm.
06/2006 - 07/2007	Phó phòng KTM Công ty Than Hà Lâm – TKV.
08/2007 - 12/2008	Trưởng phòng Thông gió mỏ Công ty Cổ phần than Hà Lâm – TKV.
01/2009 - 12/2015	Quản đốc Công trường Khai thác 6 Công ty Cổ phần than

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
	Hà Lâm – Vinacomin.
01/2016 - 02/2017	Trưởng phòng KTM Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin.
03/2017 - 03/2017	Nhân viên Phòng KTTH Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
04/2017 - 08/2017	Trưởng phòng - Phó giám đốc Ban QLDA hầm lò Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
08/2017 – 4/2025	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin
04/2025 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai
Phạm Bá Tước


39

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

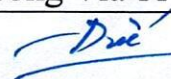
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Ứng viên độc lập Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ V năm 2026-2031
(Do HĐQT đương nhiệm giới thiệu trong trường hợp còn thiếu)

1. Họ và tên : **Đặng Văn Ngong**
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày sinh : 04/07/1963.
4. Nơi sinh : Hồng Sơn, Hà Nội.
5. CCCD số 001063014832 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/8/2021.
6. Quốc tịch : Việt Nam.
7. Dân tộc : Kinh.
8. Địa chỉ thường trú : Tổ 7, khu 3, phường Hạ Long, Quảng Ninh.
9. Số điện thoại : 0912108875.
10. Địa chỉ email :
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Ứng viên độc lập Hội đồng Quản trị.
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: 100 CP chiếm 0...% vốn điều lệ.
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không.
16. Danh sách người có liên quan của người khai : Có danh sách kèm theo.
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : Không.
18. Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty : Không
19. Trình độ : Trung cấp khai thác
20. Quá trình công tác:

Từ năm đến năm	Chức vụ, đơn vị công tác
1984 - 1989	Công nhân Công trường nổ mìn, Mỏ than Hà Tu.
1989 - 1990	Đội trưởng Đội bắn mìn Công trường Tổng hợp Mỏ than Núi Béo.
1990 - 1997	Phó Quản đốc Công trường Vía 11 Mỏ than Núi Béo.
1997 - 1998	Quản đốc Công trường Vía 14 Mỏ than Núi Béo.
1998 - 2003	Phó phòng Kỹ thuật; Phó Quản đốc Công trường Vía 11



Từ năm đến năm	Chức vụ, đơn vị công tác
	Mỏ than Núi Béo.
2003 - 2008	Quản đốc Công trường Vía 11; Công trường XD&KTT Công ty Cổ phần Than Núi Béo – TKV.
2008 - 2010	Phó phòng DHSX Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV
2010 - 2011	Quản đốc Công trường thi công Dự án sắt Thạch Khê - Hà Tĩnh.
2011	Phó Phòng DHSX Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
2011 - 2018	Quản đốc Công trường CGLĐ; Công trường Vía 11, Phân xưởng Vận tải lò 1 Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
2018 - 2021	Nghỉ hưu.
2021 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai
Đặng Văn Ngong



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
Ứng viên Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ V năm 2026 - 2031
(Do TKV giới thiệu)

1. Họ và tên : **Vũ Thị Dung**
2. Giới tính : **Nữ.**
3. Ngày sinh : **28/08/1979.**
4. Nơi sinh : **Cẩm Phả, Quảng Ninh.**
5. CCCD số 022179003564 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 07.08.2023.
6. Quốc tịch : **Việt Nam.**
7. Dân tộc : **Kinh.**
8. Địa chỉ thường trú: **Chung cư Sapphire, Khu phố Hồng Gai 1, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh.**
9. Số điện thoại liên lạc : **0904.198.222.**
10. Địa chỉ email : **dungvt@vinacomin.vn**
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: **Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.**
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Ứng viên Trưởng ban Kiểm soát.**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không.**
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: **0 CP chiếm 0% vốn điều lệ.**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : **Không.**
16. Danh sách người có liên quan của người khai : **Có danh sách kèm theo.**
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : **Không.**
18. Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty : **Không**
19. Trình độ : **Thạc sỹ QLKT, Cử nhân kinh tế**
20. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
12/2001 - 10/2007	Cán bộ phòng Kế toán XN Dịch vụ và KD than – Công ty than Hạ Long - TKV
10/2007 – 6/2008	Phó Phòng Kế toán XN Dịch vụ và KD than – Công ty than Hạ Long
6/2008 – 9/2008	Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
9/2008 – 8/2016	Phó phòng Kế toán Công ty Kho vận Hòn Gai – Vinacomin
8/2016 – 7/2017	Phụ trách phòng Kế toán Công ty Kho vận Hòn Gai – Vinacomin
8/2017 – 10/2017	Phụ trách phòng Kế toán Công ty Kho vận Hòn Gai – Vinacomin, Giúp việc Giám đốc – Phòng Kế toán Công ty Tuyển than Hòn Gai
10/2017 – 11/2019	Phó Phòng Kế toán Công ty than Hòn Gai - TKV
Từ 1/11/2019 đến nay	Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai
Vũ Thị Dung

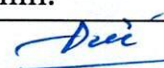


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
Ứng viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V năm 2026-2031
(Do TKV giới thiệu)

1. Họ và tên : **Đỗ Thị Thanh Huyền**
2. Giới tính : **Nữ.**
3. Ngày sinh : **23/5/1974.**
4. Nơi sinh : **Phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.**
5. CCCD số 022174011092 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 26/8/2021
6. Quốc tịch : **Việt Nam**
7. Dân tộc : **Kinh**
8. Địa chỉ thường trú : **Tổ 6 Khu phố Hồng Hà 5, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.**
9. Số điện thoại liên lạc : **0912.791.299**
10. Địa chỉ email : **huyen.nuibeo@gmail.com.**
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Ứng viên Ban Kiểm soát.**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không.**
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: **2.118 CP chiếm 0,...% vốn điều lệ.**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : **Không.**
16. Danh sách người có liên quan của người khai : **Có danh sách kèm theo.**
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : **Không.**
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : **Không.**
19. Trình độ : **Kỹ sư khai thác mỏ.**
20. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
06/1998 - 12/2004	Cán bộ Phòng KHTT, ĐT-XDCB mỏ than Núi Béo.
01/2005 - 03/2010	Phó phòng ĐT-XDCB Công ty CP Than Núi Béo - TKV.
03/2010 - 04/2011	Trưởng phòng ĐT-XDCB Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.
04/2011 – 04/2016	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng ĐT-XDCB (DTM) Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.



Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
04/2016 đến nay	Thành viên BKS, Trưởng phòng ĐTM Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai

Đỗ Thị Thanh Huyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

**Ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ V năm 2026-2031
(Do BKS đương nhiệm giới thiệu trong trường hợp còn thiếu)**

1. Họ và tên : **Nguyễn Tiến Nhung**
2. Giới tính : **Nam.**
3. Ngày sinh : **20/02/1967.**
4. Nơi sinh : **phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh**
5. CCCD số 022067002045 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 13/4/2021
6. Quốc tịch : **Việt Nam**
7. Dân tộc : **Kinh**
8. Địa chỉ thường trú: **Phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh**
9. Số điện thoại liên lạc : **0914258118.**
10. Địa chỉ email : **nhuongcdnb@gmail.com**
11. Tên tổ chức là đối tượng CBTT: **Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.**
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Ứng viên Ban Kiểm soát.**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không.**
14. Số cổ phần (NBC) nắm giữ: **0 CP chiếm 0% vốn điều lệ.**
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có) : **Không.**
16. Danh sách người có liên quan của người khai : **Có danh sách kèm theo.**
17. Lợi ích liên quan đến Công ty : **Không.**
18. Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty : **Không**
19. Trình độ : **Cử nhân kinh tế**
20. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
4/1988 – 3/1996	Công tác tại Nhà máy Cơ khí Hồng Gai
4/1996 – 8/1999	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà máy Cơ khí Hồng Gai (chuyên trách đoàn).
9/1999 – 11/2003	Công tác tại Ban quản lý dự án Công ty Liên doanh Giấy Sơn Long, Cẩm Phả, Quảng Ninh.



Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ, đơn vị công tác
11/2003 – 12/2003	Cán bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
12/2003 - 9/2004	Cán bộ phòng kế toán Công ty Cổ phần Than Núi Béo – TKV.
10/2000 – 02/2006	Văn phòng Đảng ủy, Chánh văn phòng Đảng ủy Công ty Cổ phần Than Núi Béo – TKV.
03/2006 - 02/2010	Thành viên Ban kiểm soát kiêm; Chánh văn phòng Đảng Ủy Công ty Cổ phần than Núi Béo - TKV.
03/2010 - 02/2015	Thành viên Ban kiểm soát; kiêm Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần than Núi Béo- Vinacomin.
03/2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần than Núi Béo- Vinacomin..

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Người khai
Nguyễn Tiến Nhung



Số: 2890/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 2 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả SXKD năm 2025, giai đoạn năm 2021 ÷ 2025;
Kế hoạch SXKD năm 2026, giai đoạn năm 2026 ÷ 2030**

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

Thực hiện nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả SXKD năm 2025, giai đoạn năm 2021 ÷ 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026, giai đoạn năm 2026 ÷ 2030 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025, GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021 ÷ 2025

Năm 2025, giai đoạn 2021 – 2025 là thời kỳ Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Công ty kết thúc khai thác than lộ thiên và chuyển sang khai thác hầm lò trong điều kiện thiếu hụt thợ lò, cơ cấu bậc thợ, lực lượng lao động quản lý và phục vụ phụ trợ còn mất cân đối so với mô hình mẫu của Tập đoàn. Điều kiện địa chất mỏ diễn biến phức tạp, quá trình đào lò thường xuyên gặp các tuyến phay mới với biên độ lớn hơn dự kiến. Các lò chợ cơ giới hóa nhiều lần xuất lộ nước với lưu lượng lớn (khoảng 60 m³/giờ), ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng khai thác. Bên cạnh đó, hệ thống đứt gãy, uốn nếp kéo dài tại các lò chợ làm chất lượng than nguyên khai suy giảm so với kế hoạch, gây khó khăn cho công tác chuẩn bị chân hàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Trong khi đó, chi phí cố định như lãi vay và khấu hao tài sản cố định vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, Công ty đã chủ động bám sát mục tiêu, kế hoạch và các giải pháp điều hành chung; đồng thời xây dựng mục tiêu, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế. Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị linh hoạt, quyết liệt, phát huy sự phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị cùng tinh thần lao động tích cực, sáng tạo của người lao động, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch 5 năm và kế hoạch hằng năm của Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Đào lò tổng số	Mét	14.800	13.000	13.000	88	100
-	Lò CBSX	"	14.800	13.000	13.000	88	100

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
2	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.900	1.950	2.000	105	103
-	Than hầm lò	"	1.900	1.950	2.000	105	103
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.767	1.858	1.954	111	105
-	Than sạch từ than NK	"	1.767	1.767	1.866	106	106
-	Than sạch từ SPNT	"		91	88		96
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.767		1.819	103	
5	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	324,6	353,4	370,0	114	105
6	Doanh thu	Tỷ đồng	2.730		2.694	99	
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	36,2		51,5	142	
8	Lao động định mức	Người	3.385		3.079	91	
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	19.912		20.850	105	
10	Cổ tức	%	≥ 5,0		6	120	

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2021-2025.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 05 năm (2021-2025)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	1.200	4.680	4.837	403	103
-	Đất sản xuất	"	1.200	580	580	48	100
-	Đất PA, bốc xúc, v/c đổ thải đảm bảo AT	"		4.100	4.258		104
2	Đào lò tổng số	Mét	77.300	67.900	68.585	89	101
-	Lò CBSX	"	77.300	67.900	68.585	89	101
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	8.470	8.208	8.516	101	104
-	Than lộ thiên	"	220	292	292	133	100
-	Than hầm lò	"	8.250	7.830	7.945	96	101
-	Than thu hồi theo PA	"			192		
-	Than khác (Thu hồi)	"		86	86		100
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	8.621	8.375	9.526	110	114
-	Than sạch từ than NK	"	7.731	7.379	8.234	107	112

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 05 năm (2021-2025)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
-	Than sạch từ SPNT	"	890	996	1.291	145	130
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	8.621	8.269	9.431	109	114
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	1.570,4	1.444,0	130	92
7	Doanh thu	Tỷ đồng	12.149	13.029	15.070	124	116
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	142,4	276	334	234	121
9	Lao động	Người	3.271	3.361	3.143	96	94
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	15.258	17.213	18.332	120	107
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	4,2	5,4	180	129

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Năm 2025, giai đoạn năm 2021 ÷ 2025 đa số các chỉ tiêu SXKD của Công ty hoàn thành Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra và được HĐQT Công ty đánh giá như sau:

1. Công tác Quản lý an toàn:

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý an toàn, kiểm tra chỉ đạo các đơn vị và người lao động thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn; chấn chỉnh kịp thời những hành vi gây mất an toàn; tổ chức huấn luyện an toàn cho lao động theo quy định. Trong nhiệm kỳ qua công tác an toàn lao động của Công ty cơ bản được đảm bảo.

2. Công tác Quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất:

- Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các bước từ thiết kế khai thác, thiết kế lò đến lập hộ chiếu thi công theo đúng quy chuẩn kỹ thuật ngành Than. Hệ thống hồ sơ kỹ thuật, nhật ký lò chợ, tuyển lò và các biên bản kiểm định thiết bị được quản lý khoa học, cập nhật đầy đủ, giúp cung cấp dữ liệu chính xác cho công tác điều hành và hiệu chỉnh thông số vận hành định kỳ.

- Công tác quản lý kỹ thuật an toàn tiếp tục được quan tâm tăng cường; việc cập nhật, rà soát thông số kỹ thuật của hệ thống thông gió, thoát nước, vận tải, cung cấp điện được thực hiện định kỳ, đảm bảo thiết bị làm việc trong trạng thái ổn định và an toàn; việc kiểm tra hiện trường, giám sát kỹ thuật được duy trì thường xuyên, kịp thời phát hiện và khắc phục các nguy cơ mất ổn định địa chất; nhiều biện pháp chống lò, kiểm soát nước và khí mỏ được triển khai nghiêm túc, góp phần giảm thiểu rủi ro trong khai thác, đặc biệt tại khu vực dưới bãi thải lộ thiên cũ; làm tốt công tác thông gió và kiểm soát khí mỏ trong quá trình sản xuất, làm tốt công tác vét bùn lò chứa nước mức -350, bảo đảm khả năng thoát nước trong mùa mưa bão.

- Công ty chủ động áp dụng các giải pháp đổi mới công nghệ, tự động hóa, cơ giới hóa, bán cơ giới hóa trong đào lò và khai thác, góp phần nâng cao năng

suất, giảm sức lao động thủ công. Nhiều giải pháp công nghệ mới được nghiên cứu và áp dụng như: Đưa vào khai thác lò chợ CGH hạng nhẹ công suất 350.000 tấn/năm vào hoạt động nhằm cải thiện điều kiện làm việc và tăng năng suất lao động, bám sát các mục tiêu chỉ đạo của Tập đoàn, đẩy mạnh công tác CGH, hiện đại hóa trong khai thác hầm lò, đưa máy đào lò EBH-45 thi công đào các đường lò khoan vùng trong than tăng sản lượng, năng suất lao động. Ứng dụng công nghệ kiểm soát nhiệt độ vỉa than tự động nhằm giám sát nhiệt độ vỉa than tự động 24/24 để kiểm soát phòng ngừa than tự cháy. Quy trình công nghệ được chuẩn hóa, tuân thủ hộ chiếu và quy định kỹ thuật của TKV; các sai lệch lớn được kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kịp thời.

- Kế hoạch sản xuất được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời, bám sát mục tiêu kế hoạch do Tập đoàn giao và phù hợp với điều kiện địa chất của mỏ, nhu cầu tiêu thụ than của thị trường. Công ty đã tổ chức điều hành theo phương châm an toàn, năng suất, hiệu quả, ổn định, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chức năng và đơn vị sản xuất. Các chỉ tiêu về mét lò, đào chống, sản lượng được phân bổ, giao kế hoạch cụ thể đến từng đơn vị, từng giai đoạn, giúp việc thực hiện có trọng tâm, trọng điểm. Tổ chức đào lò khoan vùng; xây dựng phương án và tổ chức điều hành chuyển diện lò chợ theo đúng kế hoạch, bảo đảm các diện khai thác duy trì khẩu ổn định, góp phần hoàn thành kế hoạch.

3. Công tác cơ điện vận tải; bảo dưỡng sửa chữa thiết bị:

- Trong giai đoạn vừa qua, lĩnh vực Cơ điện vận tải đã khẳng định vai trò là “mạch máu” quan trọng, đảm bảo nền tảng kỹ thuật vững chắc cho toàn bộ dây chuyền sản xuất của Công ty. Với tinh thần chủ động và quyết liệt, công tác quản lý và vận hành thiết bị đã chuyển mình mạnh mẽ, từ việc duy trì ổn định các hệ thống truyền thống sang bước đột phá về công nghệ và tư duy quản trị.

- Công ty đã đảm bảo sự hoạt động an toàn và liên tục của các hệ thống thiết bị cốt lõi như trục tải giếng đứng, trạm quạt gió chính, hệ thống bơm thoát nước và mạng lưới trạm biến áp. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định được thực hiện bài bản, có sự rà soát kỹ lưỡng và bám sát thực tế, giúp duy trì hệ số sẵn sàng cao của thiết bị ngay cả trong những giai đoạn sản xuất cao điểm. Hệ thống vận tải băng tải tập trung và tàu điện trong lò được vận hành nhịp nhàng, đảm bảo cung ứng vật tư và vận chuyển than kịp thời.

- Điểm nhấn nổi bật nhất chính là việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và cơ giới hóa. Công ty đã triển khai thành công các mô hình cơ giới hóa hạng nhẹ trong khai thác và đào lò, đồng thời hiện đại hóa hệ thống điều khiển tự động hóa cho các cụm thiết bị quan trọng. Việc chuyển đổi từ vận hành thủ công sang giám sát tập trung không chỉ giúp tối ưu hóa nhân lực mà còn nâng cao độ an toàn và độ tin cậy của thiết bị. Song song đó, công tác chuyển đổi số được chú trọng thông qua việc số hóa hồ sơ quản lý kỹ thuật, giúp công tác theo dõi và dự báo hỏng hóc trở nên khoa học và chính xác hơn.

- Công tác quản lý thiết bị và hệ thống cơ điện vận tải: Công ty duy trì tốt công tác quản lý kỹ thuật an toàn đối với toàn bộ hệ thống thiết bị cơ điện, động lực, vận tải; Các thông số vận hành của hệ thống trạm điện, trạm biến áp, tuyến băng tải, tời trục, bơm nước, kho xăng dầu... đều được theo dõi, ghi chép và kiểm

soát theo quy định; Việc kiểm định định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện đầy đủ, không để phát sinh vi phạm. Nhờ đó, các hệ thống cơ điện trọng yếu vận hành ổn định, góp phần duy trì nhịp độ sản xuất liên tục và an toàn.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị: Công tác bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn được thực hiện theo đúng kế hoạch phê duyệt, đảm bảo chất lượng, tiến độ; Thực hiện tốt phương châm: “chủ động phòng ngừa, sửa chữa kịp thời”, hạn chế tối đa sự cố gây dừng thiết bị; Đội ngũ công nhân cơ điện chủ động cải tiến kỹ thuật, khắc phục các hư hỏng phát sinh trong ca, giảm đáng kể thời gian ngừng thiết bị. Việc ứng dụng cơ điện tử, tự động hóa vào giám sát trạm bơm, băng tải, hệ thống quan trắc khí, đo gió... được triển khai mở rộng, góp phần nâng cao mức độ an toàn, giảm nhân công trực tiếp.

- Công tác vận tải: Hệ thống vận tải bằng giềng đứng, tàu diesel, băng tải, ô tô, xe goòng phục vụ sản xuất được duy trì ổn định; Các tuyến vận tải được điều hành hợp lý, tối ưu hóa cự ly vận chuyển, góp phần giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng và chi phí sản xuất; Công tác duy tu tuyến vận tải, thoát nước, gia cố được thực hiện thường xuyên, đảm bảo an toàn.

- Về mặt quản trị kinh tế: Công ty thực hiện nghiêm túc việc kiểm soát định mức tiêu hao vật tư, đặc biệt là các loại vật tư chủ yếu theo định mức 2048. Qua việc phân tích, chi tiết tình hình thực hiện vật tư hằng năm, đưa ra các giải pháp tiết giảm chi phí điện năng và phụ tùng thay thế, góp phần quan trọng vào việc hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung.

4. Công tác Đầu tư XD CB:

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được triển khai theo chiến lược phát triển mở và kế hoạch được Tập đoàn thông qua, Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, góp phần hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, đảm bảo điều kiện khai thác lâu dài. Các dự án đều được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của TKV và Công ty. Công tác đấu thầu được thực hiện công khai, minh bạch tuân thủ theo Luật Đấu thầu và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật Đấu thầu. Tất cả gói thầu mua sắm hàng hóa và xây dựng thuộc các dự án đầu tư Công ty đều thực hiện lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

5. Công tác tái cơ cấu: Công ty đã tuân thủ thực hiện Hướng dẫn định biên lao động theo mô hình mẫu của Tập đoàn, đảm bảo số đơn vị phòng ban không vượt quá quy định. Đến nay, Công ty có 13 phòng chức năng và 19 đơn vị sản xuất.

6. Công tác tiền lương và thu nhập của lao động: Công tác quản lý tiền lương và thu nhập luôn được thực hiện đảm bảo cân đối lợi ích giữa chủ sở hữu Công ty và người lao động, xây dựng được mối quan hệ lao động hài hòa, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững. Việc quản lý và sử dụng quỹ tiền lương luôn đảm bảo công khai, dân chủ, hợp lý, tuân thủ theo các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty. Đảm bảo tốc độ tăng tiền lương hằng năm, luôn phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động.



7. Công tác bảo vệ môi trường:

Công ty đã bám sát chủ đề về công tác môi trường của tỉnh Quảng Ninh đề tập trung làm tốt công tác môi trường. Tăng cường tổ chức trồng cây xanh tạo bóng mát, cảnh quan mặt bằng công nghiệp các dự án. Phủ xanh các khu vực bãi thải đã kết thúc khai thác.

8. Công tác quản trị chi phí:

Thực hiện quy chế khoán và quản trị chi phí giá thành của TKV, hàng năm ngay sau khi Tập đoàn ban hành Kế hoạch PHKD và Thông báo các chỉ tiêu Kế hoạch PHKD của Tập đoàn với các đơn vị. Công ty đã cân đối Kế hoạch SXKD theo từng yếu tố chi phí để điều hành, giao khoán quản trị trong nội bộ. Kết quả giai đoạn 2021 ÷ 2025, Công ty được Tập đoàn ghi nhận tiết kiệm chi phí.

9. Công tác kế toán tài chính:

- Thực hiện tốt chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban lãnh đạo trong công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán và kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh. Công tác kế toán được tổ chức khoa học, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn. Phòng kế toán đã thực hiện kịp thời việc ghi chép, phản ánh và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn, công nợ; theo dõi và tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm than phục vụ công tác quản trị và điều hành sản xuất.

- Thực hiện lập và trình bày đầy đủ các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị định kỳ theo quy định, đảm bảo số liệu chính xác, minh bạch và phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý của công ty, phối hợp công bố thông tin định kỳ đúng hạn .

- Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước như thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn. Thông qua đó, công tác kế toán đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, kiểm soát chi phí và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ổn định và phát triển.

10. Công tác chuyển đổi số, áp dụng tin học hóa, tự động hóa:

Công ty đã triển khai công tác chuyển đổi số, áp dụng tin học hóa, tự động hóa theo hướng đồng bộ, thực chất, gắn với nhu cầu sản xuất, bước đầu mang lại hiệu quả trong quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động.

- Quản lý điều hành: Công ty hiện đại hóa quản trị thông qua phần mềm quản lý sản xuất, kế toán và vật tư. Hệ thống báo cáo trực tuyến (ngày/tuần/tháng) được triển khai đồng bộ, giúp lãnh đạo bám sát tình hình sản xuất thực tế một cách kịp thời.

- Sản xuất an toàn: Tăng cường an toàn hầm lò bằng các thiết bị giám sát tự động tại các khu vực trọng điểm, gồm: hệ thống cảm biến khí (CH₄, CO, O₂), đo bụi, gió và camera giám sát tại lò chợ cùng các tuyến vận tải. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ tiêu hao năng lượng qua hệ thống giám sát điện, nước, nhiên liệu.

- Nguồn nhân lực số: chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, thợ mỏ về kỹ năng sử dụng phần mềm và quy trình làm việc điện tử. Đặc biệt, khuyến khích lao động trẻ chủ động nghiên cứu và đề xuất các giải pháp số hóa thiết thực.

- Áp dụng tin học hóa, tự động hóa: Bám sát kế hoạch, mục tiêu các công đoạn cần triển khai Đề án ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa của Tập đoàn; duy trì ổn định các hệ thống giám sát tập trung hiện có như: Trạm dung dịch nhũ hóa; Hệ thống trục tải Giếng đứng; Hệ thống tời hỗ trợ người đi bộ; Hệ thống điều khiển giám sát tập trung 02 Trạm quạt gió chính; Hệ thống giám sát tập trung Quạt gió cục bộ hầm lò; Đối với công tác tin học hóa Công ty đã: đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua việc áp dụng chữ ký số, trực liên thông văn bản toàn Tập đoàn và triển khai phần mềm viết nhật lệnh sản xuất hầm lò.

* **Tóm lại:** Với sự cố gắng không ngừng, phát huy nội lực, lao động sáng tạo, nhiệm kỳ qua Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD Đại hội cổ đông giao; tiền lương, đời sống người lao động trong Công ty ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và Tập đoàn.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026, GIAI ĐOẠN NĂM 2026 ÷ 2030; NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH

Nhiệm kỳ 05 năm, giai đoạn 2026 ÷ 2033 dự báo tiếp tục là một nhiệm kỳ Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Giá vật tư, dịch vụ vẫn có xu hướng tăng cao do xung đột giữa các nước ngày càng leo thang. Công tác tổ chức sản xuất trong điều kiện địa chất các diện khai thác ngày càng xuống sâu, đi xa và phức tạp, yêu cầu đào lò CBSX nhiều hơn để đảm bảo duy trì sản lượng. Thị trường tiêu thụ than dự báo cạnh tranh ngày càng cao. Bên cạnh đó, yêu cầu của Tập đoàn về ứng dụng khoa học công nghệ, tự động hóa - tin học hóa, số hóa trong sản xuất và quản trị đòi hỏi Công ty phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp điều hành, tối ưu chi phí, nâng cao năng suất thiết bị. Công tác AT - VSMT tiếp tục được đặt lên hàng đầu, trong khi các nguy cơ mất an toàn trong hầm lò luôn tiềm ẩn; đòi hỏi Công ty phải tăng cường kiểm soát rủi ro, nâng cao kỷ luật lao động và đầu tư cho các hệ thống quan trắc, cảnh báo tự động.

Về lao động, Công ty tiếp tục gặp khó khăn trong tuyển dụng thợ lò, xu hướng chuyển đổi đến với nghề có cường độ lao động thấp, đỡ vất vả, không nguy hiểm của người lao động ngày càng tăng cao. Áp lực nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường làm việc và giữ chân thợ lò đặt ra yêu cầu phải tăng cường các chính sách phúc lợi, chăm lo đời sống người lao động.

Bên cạnh khó khăn, cũng có nhiều cơ hội mới được mở ra: các dự án đầu tư trọng điểm của Công ty tiếp tục được Tập đoàn quan tâm; công tác cơ giới hóa trong đào lò, khai thác có điều kiện phát huy để nâng cao năng suất lao động; các hệ thống điều hành sản xuất tập trung từng bước mang lại hiệu quả; tinh thần đổi mới - sáng tạo - đoàn kết - chịu khó của tập thể cán bộ, công nhân lao động Núi Béo được duy trì. Đây là tiền đề quan trọng để Công ty phân đấu hoàn thành toàn diện nhiệm vụ SXKD, đảm bảo **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển”**.

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ.

1. Mục tiêu chiến lược:



Ổn định, phát triển sản xuất, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, tích cực áp dụng Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa - Chuyển đổi số trong khai thác và quản lý sản xuất, chăm lo phát huy tốt nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao đời sống người lao động, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” để thực hiện thắng lợi mục tiêu: **“An toàn - Đoàn kết - Phát triển - Hiệu quả”**.

2. Một số chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	
			Giai đoạn 2026÷ 2030	Năm 2026
1	Đào lò tổng số	Mét	71.820	14.320
-	Lò CBSX	"	71.820	14.320
2	Than nguyên khai sản xuất	10 ³ Tấn	10.000	2.000
-	Than hầm lò	"	10.000	2.000
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	9.258	1.860
-	Than sạch từ than nguyên khai	"	9.258	1.860
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	9.258	1.860
5	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.571,8	391,3
6	Doanh thu	Tỷ đồng	13.270,1	2.877,1
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	174,1	36,2
8	Lao động định mức	Người	3.116	3.173
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	22.360	21.010
10	Cổ tức	%	≥ 5,0	≥ 5,0

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Công tác điều hành sản xuất

- Điều hành sản xuất theo tiến độ và kế hoạch TKV giao; đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các khâu đào lò, khai thác, vận tải, chế biến, tiêu thụ. Bám sát sản xuất, hàng tuần, tháng, quý tổ chức xây dựng kế hoạch đào lò, sản xuất than, không để thiết bị ngừng sản xuất do thiếu diện thi công.

- Ưu tiên nguồn lực cho các diện trọng điểm, xử lý kịp thời các vướng mắc về địa chất, thông gió và vận tải. Tăng cường kiểm tra hiện trường, nâng cao trách nhiệm người chỉ huy sản xuất. Thực hiện giao kế hoạch cụ thể đến từng đơn vị, tổ đội gắn với sản lượng, chất lượng và an toàn. Thường xuyên cập nhật, theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch sản lượng để bố trí thời làm việc, nghỉ ngơi hợp lý, hạn chế bố trí thiết bị làm việc trong điều kiện thời tiết hoặc diện sản xuất không thuận lợi, làm giảm năng suất lao động, tăng chi phí sản xuất.

2. Công tác kỹ thuật công nghệ, sàng tuyển, chế biến

- Hoàn thiện hộ chiếu chống lò, nâng cao chất lượng công tác đo vẽ địa chất và dự báo điều kiện mỏ. Tăng cường cơ giới hóa trong đào lò (máy combai, máy xúc, khoan neo, ...), nâng cao năng suất thiết bị khai thác.

- Rà soát các tuyến thông gió, cải thiện lưu lượng gió và điều kiện vi khí hậu trong lò. Tập trung nghiên cứu, khảo sát kỹ điều kiện địa chất mỏ, qua đó ưu tiên lựa chọn khu vực có điều kiện phù hợp để áp dụng công nghệ cơ giới hóa đồng bộ khai thác đảm bảo hiệu quả.

- Chủ động đưa ra các phương án tổ chức sản xuất, tổ chức lao động hợp lý để thực hiện công tác đào lò đảm bảo tiến độ, đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Duy trì xe khoan, máy xúc kết hợp với vi neo đào chống các đường lò đá có tiết diện lớn, cơ giới hóa nhằm đẩy nhanh tiến độ.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ quản lý kỹ thuật và công nhân khai thác; có kế hoạch xây dựng các đội thợ và đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực công nghệ.

- Quản trị chỉ tiêu công nghệ theo định hướng: (i) Tỷ lệ mét lò chống sắt; Tỷ lệ mét lò đào trong đá; Mét lò xén sửa điều hành thấp hơn kế Tập đoàn giao; (ii) Hệ số đào lò CBSX điều hành theo kế hoạch Tập đoàn giao; (iii) Tập trung quản lý chất lượng than nguyên khai sản xuất hầm lò đảm bảo không vượt kế hoạch.

- Xây dựng cụ thể phương án sàng tuyển chế biến than sạch từ than nguyên khai qua từng hệ thống thiết bị để ra các chủng loại than theo kế hoạch đã cân đối từ đầu năm và kế hoạch điều hành hàng tháng, quý của Tập đoàn. Tối ưu hóa quy trình chế biến, pha trộn than; kiểm soát chất lượng đầu vào, đầu ra. Điều hành tỷ lệ thu hồi than sạch không thấp hơn kế hoạch Tập đoàn giao.

3. Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

- Tập trung triển khai đúng tiến độ các dự án hạ tầng mỏ, thông gió, thoát nước, vận tải nhằm duy trì năng lực khai thác ổn định. Tăng cường giám sát chất lượng nhà thầu, kiểm soát khối lượng và tiến độ xây dựng cơ bản.

- Đầu tư các thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa, thiết bị an toàn mỏ theo kế hoạch 2026 ÷ 2030. Ưu tiên đầu tư nâng cao điều kiện làm việc và phúc lợi người lao động.

4. Công tác Cơ điện - Vận tải

Phát huy những thành quả của giai đoạn trước, nhiệm kỳ 2026-2030, Công tác Cơ điện - vận tải thực hiện một số giải pháp chính:

- Đảm bảo sự hoạt động an toàn và liên tục của các hệ thống thiết bị cốt lõi như trục tải giếng đứng, trạm quạt gió chính, hệ thống bơm thoát nước và mạng lưới trạm biến áp. Phối hợp nhịp nhàng giữa băng tải tập trung, tàu điện, tàu diesel và ô tô giúp cung ứng vật tư và vận chuyển than kịp thời, thông suốt.

- Tiếp tục triển khai ổn định, có hiệu quả công nghệ cơ giới hóa hạng trung và hạng nhẹ trong khai thác; bán cơ giới hóa và cơ giới hóa trong đào lò.

- Đẩy mạnh giám sát tập trung, điều khiển tự động và số hóa hồ sơ kỹ thuật.

- Quản lý vật tư bằng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật và hạn mức chi phí, tập trung quản lý đảm bảo các thiết bị hoạt động có năng suất, hiệu quả so với giao khoán của Tập đoàn; thường xuyên theo dõi cập nhật việc thực hiện định mức



của thiết bị để phân tích đánh giá và tìm biện pháp khắc phục hoặc điều chỉnh phù hợp với định mức của Tập đoàn và thực tế sản xuất tại Công ty.

5. Công tác An toàn - Vệ sinh lao động (AT-VSLĐ)

- Thực hiện nghiêm hệ thống quản lý an toàn; kiểm tra định kỳ các đường lò, thiết bị vận tải, hệ thống điện khí mỏ. Tăng cường ứng dụng hệ thống giám sát khí tự động, camera thông gió, cảnh báo sự cố. Nâng cao chất lượng huấn luyện an toàn; thực hiện diễn tập sự cố định kỳ.

- Siết chặt kỷ luật lao động, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy trình, quy định an toàn. Đẩy mạnh phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp”, cải thiện vệ sinh công nghiệp.

6. Công tác quản trị tài nguyên, ranh giới mỏ

- Khai thác đúng hộ chiếu, đúng trình tự công nghệ; giảm thất thoát, tổn thất tài nguyên trong khai thác và khấu than. Tăng cường đo vẽ địa chất, khoanh vùng rủi ro, cập nhật bản đồ trữ lượng mỏ.

- Kiểm soát chặt hoạt động vận tải, chế biến, tiêu thụ để ngăn chặn thất thoát tài nguyên. Phối hợp với các đơn vị chức năng trong quản lý đất đai, ranh giới khai trường. Tăng cường công tác quản trị tài nguyên khai thác và chất lượng sản phẩm hoàn thành.

7. Công tác Lao động - Tiền lương

- Bố trí, sử dụng lao động hợp lý theo mô hình tổ chức sản xuất tinh gọn. Tăng cường tuyển dụng thợ lò trẻ; tăng cường đào tạo nghề, đào tạo nâng bậc, chuẩn hóa tay nghề.

- Tiếp tục thực hiện trả lương theo sản lượng, chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống để ổn định lực lượng lao động dài hạn.

8. Công tác quản lý vật tư

- Tuân thủ, thực hiện theo quy chế, quy định của Tập đoàn và Công ty đã ban hành và các văn bản điều chỉnh bổ sung trong quá trình thực hiện. Tiếp tục triển khai lập các đơn hàng mua sắm theo tháng, quý; Tăng cường tìm kiếm khách hàng, tổ chức đấu thầu/chào giá rộng rãi mua sắm vật tư trên Website của Tập đoàn để tạo sự cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả.

- Nghiên cứu sử dụng các vật tư, hàng hóa trong nước có thể thay thế các vật tư, hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài. Thu hồi tối đa vật tư đã qua sử dụng; Tổ chức phân loại, sàng lọc thu hồi các vật tư có thể tái sử dụng để sử dụng ngay hoặc mang gia công chế tạo phục vụ sản xuất, tránh lãng phí các nguồn lực có thể huy động tại chỗ.

- Điều hành hạn mức tồn kho vật tư theo hướng dẫn của Tập đoàn.

9. Công tác Quản trị chi phí

- Kiểm soát chặt định mức vật tư, nhiên liệu, vật liệu nổ công nghiệp; giám sát tiêu hao thiết bị và chi phí thuê ngoài. Tăng khả năng sửa chữa phục hồi thiết



bị trong nội bộ nhằm giảm chi phí thay thế. Áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tối ưu lịch vận hành thiết bị.

- Giao khoán chi phí đến từng đơn vị; công khai, minh bạch trong đánh giá và thanh quyết toán. Tiếp tục cân đối ban hành, giao khoán một số hạn mức chi phí như những năm trước đây để các đơn vị chủ động trong sản xuất.

- Triển khai các giải pháp để tiết giảm tối đa chi phí so với Tập đoàn giao; khoán sản xuất sản phẩm và chi phí cho các đơn vị sản xuất, giao quản trị chi tiêu công nghệ và chi phí SXKD cho các phòng ban; thường xuyên cảnh báo các đơn vị thực hiện vượt định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, có nguy cơ bội chi so với mức Công ty giao khoán; hàng tháng/quý kiểm tra kết quả thực hiện khoán quản trị chi phí cho các đơn vị, phòng ban làm cơ sở bình xét thi đua và thanh toán tiền lương cho bộ phận quản lý.

- Duy trì thực hiện chế độ báo cáo theo tuần để kịp thời nhận diện, cảnh báo các yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến SXKD và đề xuất các giải pháp có hiệu quả cho Công ty.

10. Công tác Tài chính - Kế toán

- Quản lý dòng tiền chặt chẽ, đảm bảo cân đối tài chính phục vụ SXKD và đầu tư. Rà soát, chuẩn hóa các khoản mục chi phí; thực hiện nghiêm quy trình mua sắm, đấu thầu.

- Kiểm soát nợ phải thu, hàng tồn kho; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

11. Công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài sản

- Tăng cường tuần tra bảo vệ ranh giới mỏ, kho bãi, tuyến vận tải; ngăn chặn trộm cắp tài sản, tài nguyên. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, công an trên địa bàn trong bảo vệ ANTT khu vực mỏ.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ bảo vệ, ứng dụng công nghệ camera giám sát để giảm rủi ro. Triển khai các giải pháp cụ thể bảo vệ than sản xuất tại mỏ, vận chuyển lưu kho và trong quá trình tiêu thụ.

12. Công tác chuyển đổi số, tự động hóa, tin học hóa

- Triển khai có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ đột phá về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó: từng bước xây dựng trung tâm dữ liệu tập trung, tận dụng sức mạnh của công nghệ số, dữ liệu số để hình thành “mô thông minh”, “quản trị thông minh” nhằm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, xây dựng nền tảng và kiến trúc CNTT, đẩy nhanh quá trình xây dựng và triển khai các chương trình chuyển đổi số; hoàn thành mô hình kết nối trao đổi thông tin số với Chính phủ số và các doanh nghiệp; tăng cường bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin trong Công ty và Tập đoàn.



Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 giai đoạn năm 2021 ÷ 2025; Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2026 và giai đoạn năm 2026 ÷ 2030 của Công ty.

Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. CV (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT- GIÁM ĐỐC**



Đoàn Đắc Thọ

Đức

Số: 2891/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc: Chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS
và Ban Giám đốc Công ty

1. Tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2025:

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2025.
Mức tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2025 được chi trả như sau:

STT	Chức vụ	Nghị quyết Đại hội				Kết quả thực hiện				So sánh %
		Số người (BQ)	Tổng số (Trđ)	<u>Trong đó:</u>		Số người (BQ)	Tổng số (Trđ)	<u>Trong đó:</u>		
				Tiền lương	Thù lao...			Tiền lương	Thù lao...	
1	HDQT	5,0	506,4	-	506,4	5,0	506,4	-	506,4	100
-	Chủ tịch	1,0	64,8		64,8	1,0	64,8	-	64,8	100
-	Ủy viên	4,0	441,6		441,6	4,0	441,6	-	441,6	100
2	BKS	3,0	168,0	-	168,0	3,0	168,0	-	168,0	100
-	Trưởng ban	1,0	57,6		57,6	1,0	57,6		57,6	100
-	Ủy viên	2,0	110,4		110,4	2,0	110,4		110,4	100
3	Ban GD	6,0	2.502	2.502	-	5,6	2.795,4	2.795,4	-	112
-	Giám đốc	1,0	468,0	468	-	1,0	561,6	561,6	-	120
-	Phó Giám đốc	4,0	1.656,0	1.656	-	3,6	1.780,2	1.780,2	-	108
-	Kế toán trưởng	1,0	378,0	378	-	1,0	453,6	453,6	-	120
	Cộng	14,0	3.176,4	2.502	674,4	13,6	3.469,8	2.795,4	674,4	109

2. Mức tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2026:

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2026, HĐQT Công ty đề nghị thực hiện: (i) Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; (ii) Công văn số 7138/TKV-KH ngày 12/12/2025 của

TKV về việc: Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2026; (iii) Quyết định số 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 của TKV về việc: Ban hành hướng dẫn các cơ chế trả lương và mức tiền lương theo vị trí việc làm áp dụng trong nội bộ TKV; (iv) Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021 của TKV; (v) Quyết định số 8608/QĐ-VNBC ngày 24/11/2020 của HĐQT để xây dựng mức lương, mức thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2026 như sau:

STT	Chức vụ	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó		
				Tiền lương	Thù lao	Phụ cấp
1	Hội đồng quản trị	5	506,4	-	230,4	276,0
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	TV HĐQT	3	165,6		165,6	
-	TV HĐQT độc lập	1	276,0			276,0
2	Ban kiểm soát	3	168,0	-	168,0	-
-	TB kiểm soát	1	57,6		57,6	
-	Thành viên BKS	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502	2.502		
-	Giám đốc	1	468	468		
-	Phó Giám đốc	4	1.656	1.656		
-	Kế toán trưởng	1	378	378		
	Cộng	14	3.176,4	2.502	398,4	276,0

• **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng = Tiền lương, thù lao... năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty



Trần Tuấn Anh

Số: 2892/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 28/4/2021;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2025	01/01/2025
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.410.001.543.615	2.570.220.921.022
A1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	830.316.090.929	1.054.753.257.675
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.040.405.056	6.621.963.053
1	Tiền	111	5.040.405.056	6.621.963.053
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8.940.000.000	
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8.940.000.000	
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	479.407.630.531	832.116.958.051
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	423.020.291.412	827.512.822.794
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	48.575.839.579	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	7.811.499.540	4.604.135.257
IV	Hàng tồn kho	140	301.284.068.138	182.283.268.397
1	Hàng tồn kho	141	301.284.068.138	182.283.268.397
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	35.643.987.204	33.731.068.174
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	34.854.793.407	33.687.102.154

ĐVC

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2025	01/01/2025
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	153	789.193.797	43.966.020
A2	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.579.685.452.686	1.515.467.663.347
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	93.327.986.558	90.124.991.388
1	Phải thu dài hạn khác	216	93.327.986.558	90.124.991.388
II	Tài sản cố định	220	1.233.030.633.608	1.272.126.938.298
1	Tài sản cố định hữu hình	221	1.233.030.633.608	1.272.126.938.298
-	Nguyên giá	222	5.090.377.106.439	4.883.173.666.935
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(3.857.346.472.831)	(3.611.046.728.637)
2	Tài sản cố định vô hình	227	-	-
-	Nguyên giá	228	396.933.150	396.933.150
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(396.933.150)	(396.933.150)
III	Tài sản dở dang dài hạn	240	95.387.790.283	88.175.797.748
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	95.387.790.283	88.175.797.748
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
V	Tài sản dài hạn khác	260	157.939.042.237	65.039.935.913
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	121.708.675.583	26.335.227.123
2	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		36.230.366.654	38.704.708.790
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.410.001.543.615	2.570.220.921.022
B1	NỢ PHẢI TRẢ	300	1.880.056.574.087	2.044.776.838.946
I	Nợ ngắn hạn	310	1.605.128.315.976	1.898.554.094.297
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	491.196.442.334	487.419.359.235
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	103.996.342	628.768.284
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	79.264.942.940	116.036.433.820
4	Phải trả người lao động	314	138.864.784.680	113.967.684.863
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	122.611.226	111.850.960
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	12.904.977.251	212.642.050.874
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	852.509.441.953	927.630.306.698
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30.161.119.250	40.117.639.563

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2025	01/01/2025
II	Nợ dài hạn	330	274.928.258.111	146.222.744.649
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	274.928.258.111	146.222.744.649
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342		
B2	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	529.944.969.528	525.444.082.076
I	Vốn chủ sở hữu	410	529.929.884.350	525.428.996.898
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	369.991.240.000	369.991.240.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	(193.650.000)	(193.650.000)
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	80.250.927.962	78.241.781.617
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	79.787.475.351	77.295.734.244
5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	93.891.037	93.891.037
II	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	15.085.178	15.085.178
1	Nguồn kinh phí	431	15.085.178	15.085.178

Phần thứ hai:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.682.404.444.770	2.804.842.053.734
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.682.404.444.770	2.804.842.053.734
3	Giá vốn hàng bán	11	2.416.737.692.797	2.523.232.764.544
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	265.666.751.973	281.609.289.190
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.037.979.679	2.678.163.193
6	Chi phí tài chính	22	51.502.747.039	74.118.960.761
7	Chi phí bán hàng	25	15.214.853.614	17.992.765.321
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	157.892.463.685	151.282.351.955
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	44.094.667.314	40.893.374.346
10	Thu nhập khác	31	8.469.711.999	9.062.235.396
11	Chi phí khác	32	1.110.403.448	3.229.698.698

Đức

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2025	Năm 2024
12	Lợi nhuận khác	40	7.359.308.551	5.832.536.698
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	51.453.975.865	46.725.911.044
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	41.082.766.561	37.092.704.472
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.110	1.003

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty



GIÁM ĐỐC

Đoàn Đức Thọ

Số: **2893**/TTr - VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Công ty; Điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh, lợi ích của cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng Quản trị đề xuất Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	79.787
a	Lợi nhuận năm 2024 chuyển sang	Tr.đ	38.705
b	Lợi nhuận năm 2025	Tr.đ	41.083
2	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	Tr.đ	38.705
	Trong đó: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31/12/2025	Tr.đ	36.230
3	Lợi nhuận phân phối	Tr.đ	41.083
3.1	Trả cổ tức	Tr.đ	22.199
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025	%	≥5
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	6
3.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức	Tr.đ	18.883,3
a	Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đ	-
b	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr.đ	18.883,3
	Trong đó:		
-	Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	349,4

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Trần Tuấn Anh

Số 2894/TTr – VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc: Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa
Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Khoản 3 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 28/4/2021.

Hội đồng Quản trị xin trân trọng báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan như sau:

1. Năm 2025

Thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV, Công ty ký các hợp đồng mua, bán than... với các công ty con, đơn vị trực thuộc TKV (TKV là cổ đông lớn sở hữu 65% vốn Điều lệ của Công ty). Trong năm, tổng giá trị giao dịch thực hiện là 2.618.671.243.232 đồng, trong đó:

- Công ty Tuyển Than Hòn Gai – Vinacomin: 2.599.506.441.995 đồng;
- Công ty TNHH 1TV Môi trường – TKV: 19.164.801.237 đồng;

2. Năm 2026

- Ông Trần Tuấn Anh là người đại diện phần vốn của TKV, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty, đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Đại lý Hàng Hải - Vinacomin.

- Trong năm, Công ty có hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp và người có liên quan là thành viên HĐQT/ Chủ tịch HĐQT như sau:

STT	Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan	Địa chỉ, MST	Lĩnh vực giao kết	Giá trị ký hợp đồng, giao dịch
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Các Công ty trực thuộc gồm:	Số 3 Dương Đình Nghệ - Yên Hòa - Hà Nội MST: 5700100256	Mua bán than, vật tư, môi trường...	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với các hợp đồng có giá

STT	Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan	Địa chỉ, MST	Lĩnh vực giao kết	Giá trị ký hợp đồng, giao dịch
	- Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin; - Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV....			trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trên Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.
2	Công ty CP Đại lý Hàng Hải - Vinacomin.	Số 55A Lê Thành Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh		

* Về thời hạn thực hiện hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01/01/2026 đến khi có thay đổi khác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp có người liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Tuấn Anh

Số: 2895/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ CỦA BKS VỀ KẾT QUẢ SXKD VÀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2025

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021; Căn cứ Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty, Ban Kiểm soát xin được báo cáo trước Quý vị cổ đông đánh giá kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2025 như sau:

- Ban Kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Ban Kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán của Công ty Kiểm toán cũng như các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định. Báo cáo tài chính đã kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào thời điểm ngày 31/12/2025 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng luân chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, thời gian lập và gửi báo cáo Tài chính các quý và năm kịp thời, đúng mẫu biểu quy định.

- Mở sổ và ghi chép số liệu kế toán rõ ràng, thống kê đầy đủ, lưu trữ chứng từ khoa học, đúng quy định. Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, đối chiếu công nợ... theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn.

- Ban Kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán qua một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Đào lò tổng số	Mét	14.800	13.000	13.000	88	100
-	Lò CBSX	"	14.800	13.000	13.000	88	100
2	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.900	1.950	2.000	105	103
-	Than hầm lò	"	1.900	1.950	2.000	105	103
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.767	1.858	1.954	111	105

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
-	Than sạch từ than NK	"	1.767	1.767	1.866	106	106
-	Than sạch từ SPNT	"		91	88		96
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.767		1.819	103	
5	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	324,6	353,4	370,0	114	105
6	Doanh thu	Tỷ đồng	2.730		2.694	99	
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	36,2		51,5	142	
8	Lao động định mức	Người	3.385		3.079	91	
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	19.912		20.850	105	
10	Cổ tức	%	≥ 5,0		6	120	

2. Về cơ cấu tài chính:

- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 0,77 (Năm 2024 là 0,78);
- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH = 3,49 lần (Năm 2024 là 3,82 lần).

3. Về khả năng thanh toán:

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời = 0,51 lần (Năm 2024 là 0,56 lần);
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh = 0.33 lần (Năm 2024 là 0,46 lần);

4. Về hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt: 1,53 %;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt: 1,7%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH: 9,12%;

Qua các số liệu trên cho thấy năm 2025 hoạt động SXKD của Công ty chủ yếu là vốn vay: Nợ phải trả chiếm 76,76% tổng nguồn vốn và gấp 3,49 lần vốn chủ sở hữu; Về cơ cấu vốn Công ty đã dành cho đầu tư dài hạn 65,6% và đầu tư ngắn hạn 34,4%, khả năng thanh toán hiện thời giảm so với năm 2024, và nằm trong giới hạn cho phép. Tài sản đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư (1 đồng tài sản bỏ ra đã thu về 0,017 đồng lợi nhuận). Tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 9,12 % vốn chủ sở hữu.

5. Đánh giá một số chỉ tiêu và hoạt động khác:

- Năm 2025, Công ty còn nhiều khó khăn thách thức: Khai thác than lộ thiên đã kết thúc; Dự án khai thác than hầm lò tuy đã đi vào hoạt động đạt công suất thiết kế, nhưng chi phí khấu hao, lãi vay trong giá thành giai đoạn từ năm 2020 ÷ 2025 tăng cao dẫn đến việc cân đối tài chính gặp nhiều khó khăn.... Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty thực hiện trong năm 2025 thấp hơn so với Kế hoạch nhưng vẫn còn cao hơn so với quy định, nguyên nhân chủ

yếu là do dự án ĐTXDCB trong giai đoạn đầu, nhu cầu vốn lớn, thời hạn trích khấu hao dài hơn thời gian trả nợ vay; do dự án đã đi vào hoạt động từ năm 2021 đến nay cũng đến giai đoạn cần đầu tư thiết bị duy trì dự án tăng cao; do tiêu thụ năm 2025 đạt thấp dẫn đến khối lượng than tồn kho luôn ở mức cao, khối lượng tồn cuối năm 2025 bằng 269% so với khối lượng tồn kho đầu năm, làm tăng dự vay ngắn hạn. Trong năm tới và những năm tiếp theo Công ty cần tích cực triển khai nhiều giải pháp điều hành cụ thể giảm bớt các khó khăn trong việc cân đối tài chính, tránh các rủi ro về tài chính của Công ty.

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành: Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện tốt các quy định pháp luật hiện hành trong sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Việc nộp các báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định đảm bảo kịp thời, đúng hạn.

- Năm 2025, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và theo Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than giữa Công ty và TKV.

- Thực hiện tốt công tác quản lý LĐTL, ĐT - XDCB, công tác quản lý tài nguyên, môi trường và công tác quản trị chi phí.

- Công ty đã tập trung điều hành, khai thác sản lượng than nguyên khai 2.000 nghìn tấn/1.900 nghìn tấn kế hoạch giao đảm bảo ổn định sản xuất, công việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động khi thực hiện chuyển đổi công nghệ khai thác than.

- Ban lãnh đạo Công ty đã bám sát các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong công tác sản xuất kinh doanh.

* Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025: Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. CV (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Thị Dung



Số: 2896/TTr – VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn danh sách Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 6 tháng đầu năm và cả năm 2026 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Đề xuất danh sách lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

2.1. Công ty TNHH hăng Kiểm toán AASC; Trụ sở chính: Số 01, Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2.2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc; Trụ sở chính: Phòng 902, tầng 9, cao ốc văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN



Vũ Thị Dung

Số: 2897/TTr-VNBC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: **Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 28/4/2021;

Căn cứ điều kiện SXKD của Công ty, Hội đồng Quản trị trình Đại hội: Bổ sung ngành nghề kinh doanh; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

I. BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh bổ sung: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ; Mã ngành (7110).

2. Lý do bổ sung: Thực hiện Công văn số 5275/TKV-TN ngày 17/9/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc: Đề nghị cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Sửa đổi địa chỉ của Công ty tại khoản 6 Điều 2 Điều lệ Công ty:

Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: 799 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;

2. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty tại khoản 2 Điều 4 Điều lệ Công ty: Công ty cập nhật mã ngành tên ngành theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ và bổ sung ngành nghề kinh doanh như đề nghị tại mục I.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng CV (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Tuấn Anh

Số: /NQ-VNBC

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
(DỰ THẢO)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty được tổ chức vào ngày 28 tháng 04 năm 2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2025, giai đoạn năm 2021-2025; Kế hoạch SXKD năm 2026, giai đoạn năm 2026-2030 của Công ty với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Kết quả SXKD năm 2025, giai đoạn 2021-2025.

a) Năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Đào lò tổng số	Mét	14.800	13.000	13.000	88	100
-	Lò CBSX	"	14.800	13.000	13.000	88	100
2	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.900	1.950	2.000	105	103
-	Than hầm lò	"	1.900	1.950	2.000	105	103
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.767	1.858	1.954	111	105
-	Than sạch từ than NK	"	1.767	1.767	1.866	106	106
-	Than sạch từ SPNT	"		91	88		96
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.767		1.819	103	
5	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	324,6	353,4	370,0	114	105

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
6	Doanh thu	Tỷ đồng	2.730		2.694	99	
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	36,2		51,5	142	
8	Lao động định mức	Người	3.385		3.079	91	
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	19.912		20.850	105	
10	Cổ tức	%	≥ 5,0		6	120	

b) Giai đoạn năm 2021-2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 05 năm (2021-2025)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 ³ m ³	1.200	4.680	4.837	403	103
-	Đất sản xuất	"	1.200	580	580	48	100
-	Đất PA, bốc xúc, v/c đổ thải đảm bảo AT	"		4.100	4.258		104
2	Đào lò tổng số	Mét	77.300	67.900	68.585	89	101
-	Lò CBSX	"	77.300	67.900	68.585	89	101
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	8.470	8.208	8.516	101	104
-	Than lộ thiên	"	220	292	292	133	100
-	Than hầm lò	"	8.250	7.830	7.945	96	101
-	Than thu hồi theo PA	"			192		
-	Than khác (Thu hồi)	"		86	86		100
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	8.621	8.375	9.526	110	114
-	Than sạch từ than NK	"	7.731	7.379	8.234	107	112
-	Than sạch từ SPNT	"	890	996	1.291	145	130
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	8.621	8.269	9.431	109	114
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	1.570,4	1.444,0	130	92
7	Doanh thu	Tỷ đồng	12.149	13.029	15.070	124	116
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	142,4	276	334	234	121
9	Lao động	Người	3.271	3.361	3.143	96	94
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	15.258	17.213	18.332	120	107
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	4,2	5,4	180	129

2. Kế hoạch SXKD năm 2026, giai đoạn năm 2026 – 2030.

ST T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	
			Giai đoạn 2026÷ 2030	Năm 2026
1	Đào lò tổng số	Mét	71.820	14.320
-	Lò CBSX	"	71.820	14.320
2	Than nguyên khai sản xuất	10 ³ Tấn	10.000	2.000
-	Than hầm lò	"	10.000	2.000
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	9.258	1.860
-	Than sạch từ than nguyên khai	"	9.258	1.860
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	9.258	1.860
5	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.571,8	391,3
6	Doanh thu	Tỷ đồng	13.270,1	2.877,1
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	174,1	36,2
8	Lao động định mức	Người	3.116	3.173
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	22.360	21.010
10	Cổ tức	%	≥ 5,0	≥ 5,0

Điều 2. Thông qua kết quả chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

2.1. Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2025:

STT	Chức vụ	Số người (BQ)	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Tiền lương	Thù lao...	
1	HĐQT	5,0	506,4	-	506,4	
-	Chủ tịch	1,0	64,8	-	64,8	
-	Ủy viên	4,0	441,6	-	441,6	
2	BKS	3,0	168,0	-	168,0	
-	Trưởng ban	1,0	57,6		57,6	
-	Ủy viên	2,0	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	5,6	2.795,4	2.795,4	-	
-	Giám đốc	1,0	561,6	561,6	-	
-	Phó Giám đốc	3,6	1.780,2	1.780,2	-	
-	Kế toán trưởng	1,0	453,6	453,6	-	
	Cộng	13,6	3.469,8	2.795,4	674,4	

Đinh

2.2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, Ban Giám đốc năm 2026:

STT	Chức vụ	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó		
				Tiền lương	Thù lao	Phụ cấp
1	Hội đồng quản trị	5	506,4	-	230,4	276,0
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	TV HĐQT	3	165,6		165,6	
-	TV HĐQT độc lập	1	276,0			276,0
2	Ban kiểm soát	3	168,0	-	168,0	-
-	TB kiểm soát	1	57,6		57,6	
-	Thành viên BKS	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502	2.502		
-	Giám đốc	1	468	468		
-	Phó Giám đốc	4	1.656	1.656		
-	Kế toán trưởng	1	378	378		
	Cộng	14	3.176,4	2.502	398,4	276,0

• **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng = Tiền lương, thù lao... năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 do Công ty TNHH Hăng Kiềm toán AASC kiểm toán, gồm một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- * Tài sản tổng số : 2.410.001.543.615 đồng;
- Tài sản ngắn hạn : 830.316.090.929 đồng;
- Tài sản dài hạn : 1.579.685.452.686 đồng;
- * Tổng nguồn vốn : 2.410.001.543.615 đồng;
- Nợ phải trả : 1.880.056.574.087 đồng;
- Vốn chủ sở hữu : 529.944.969.528 đồng.

Điều 4. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	79.787
a	Lợi nhuận năm 2024 chuyển sang	Tr.đ	38.705
b	Lợi nhuận năm 2025	Tr.đ	41.083

Đức

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
2	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	Tr.đ	38.705
	<i>Trong đó:</i> Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31/12/2025	Tr.đ	36.230
3	Lợi nhuận phân phối	Tr.đ	41.083
3.1	Trả cổ tức	Tr.đ	22.199
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025	%	≥5
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	6
3.2	Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức	Tr.đ	18.883,3
a	Quỹ đầu tư phát triển	Tr.đ	-
-	Trong đó, tỷ lệ trích	%	-
b	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr.đ	18.883
	<i>Trong đó:</i>		
-	Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	Tr.đ	349,4

Điều 5. Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.

Điều 6. Bổ sung ngành nghề kinh doanh “Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ; Mã ngành (7110)”; Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 2 và khoản 2 Điều 4 Điều lệ Công ty do thay đổi, bổ sung, cập nhật lại địa chỉ và ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Điều 7. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, nhiệm kỳ năm 2021-2026; Kế hoạch năm 2026, nhiệm kỳ năm 2026-2031.

Điều 8. Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả SXKD, thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2025, cả nhiệm kỳ năm 2021-2026.

Điều 9. Thông qua kết quả bầu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ V năm 2026-2031 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<i>I</i>	<i>Hội đồng Quản trị</i>		
1			
2			
3			
4			

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
I	Hội đồng Quản trị		
1			
2			
3			
4			
5			
II	Ban kiểm soát		
1			
2			
3			

Điều 10. Thông qua Danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2025.

STT	Tên Công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC	Trụ sở chính: Số 01, Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2	Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc.	Trụ sở chính: Phòng 902, tầng 9, cao ốc văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, Hà Nội.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

11.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin:

- Thực hiện Đề án Tái cơ cấu Công ty theo định hướng của TKV; Được quyền thuê tài sản, thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội thông qua để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2026; Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua một cách hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp.

11.2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin năm 2026 thông qua một cách hợp lệ và giao cho HĐQT Công ty triển khai thực hiện kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2026.

PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Tên tôi là:.....Mã cổ đông.....
Số CMND:cấp ngày..... tại.....
Sở hữu (hoặc đại diện ủy quyền sở hữu) cổ phần.

Câu hỏi

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu.

Cổ đông xác nhận
(ký, ghi rõ họ tên)